

CÔNG TY TNHH PHÚC TÂM KHANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÚC TÂM KHANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC TAM KHANG COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHUC TAM KHANG LTD.,

2. Mã số doanh nghiệp: 0109062029

3. Ngày thành lập: 13/01/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1, BT2, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
3.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
4.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
5.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
6.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

7.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ đồng hồ, kính mắt lưu động hoặc tại chợ	4789
8.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
9.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
10.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
13.	Bán buôn thực phẩm	4632
14.	Bán buôn đồ uống	4633
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
16.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
17.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
18.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
19.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
20.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
21.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
22.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
23.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
24.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
25.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
27.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

28.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
29.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
30.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
31.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
32.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
33.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
34.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
35.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
36.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
37.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
38.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4774
39.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
40.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
41.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
42.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;	8559
43.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn dự học	8560
44.	Đại lý du lịch	7911
45.	Điều hành tua du lịch	7912
46.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

47.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
48.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
49.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
50.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
51.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
54.	Bốc xếp hàng hóa	5224
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Logistics	5229
57.	Lập trình máy vi tính	6201
58.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
59.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
60.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
61.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
62.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
63.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
64.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
65.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
66.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
67.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
68.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
69.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
70.	Sản xuất đường	1072
71.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
72.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
73.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
74.	Sản xuất chè	1076
75.	Sản xuất cà phê	1077
76.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
77.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080

78.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
79.	Sản xuất rượu vang	1102
80.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
81.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
82.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
83.	Sản xuất sợi	1311
84.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
85.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
86.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
87.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
88.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
89.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
90.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
91.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
92.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
93.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
94.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
95.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
96.	Sản xuất giày, dép	1520
97.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
98.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
99.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
100.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
101.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
102.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
103.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
104.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
105.	In ấn	1811
106.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
107.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
108.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
109.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
110.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
111.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
112.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
113.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219

114.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
115.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
116.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
117.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
118.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
119.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
120.	Sản xuất đồng hồ	2652
121.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
122.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
123.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
124.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
125.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
126.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
127.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
128.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
129.	Sản xuất nhạc cụ	3220
130.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
131.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
132.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
133.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
134.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
135.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
136.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
137.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
138.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
139.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
140.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
141.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
142.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
143.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN THỊ THANH TÂM	11B/168/76 Đường Kim Giang, Tổ 31, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	40,000	035182000004	
2	NGUYỄN ĐẮC ĐỊNH	11B/168/76 Đường Kim Giang, Tổ 31, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	60,000	024078000001	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐẮC ĐỊNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/08/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 024078000001

Ngày cấp: 09/10/2012

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 11B/168/76 Đường Kim Giang, Tổ 31, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 11B/168/76 Đường Kim Giang, Tổ 31, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội